

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD4 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 131017200203 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3471010015	34CCD4	Ph m Th i B ng	13/04/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	3671041608	36CCĐ5	Tr ng M nh C ng	11/01/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
3	3671041880	36CCĐ5	Nguy n V ã Ch t	01/01/1993				9.0	9.0	8.0	8.7	2.6	9.0	6.3	8.9	
4	3671041835	36CCĐ5	Tr ng ã nh B o Duy	05/10/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
5	3671041927	36CCĐ5	Cao V ã D ã	14/07/1993				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	5.8	4.1	6.4	
6	3671041904	36CCĐ5	Tr n Qu c D ã	06/08/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3671042018	36CCĐ5	Tr n Xu a n D ng	08/02/1993				9.0	7.0	7.0	7.7	2.3	4.3	3.0	5.3	N HP
8	3671041659	36CCĐ5	Hoàng ã t	25/09/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	4.3	3.0	5.0	
9	3671041932	36CCĐ5	Hoàng Minh H i	12/04/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	5.0	3.5	5.5	
10	3671041971	36CCĐ5	Nguy n Th ã Hi u	11/10/1992				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	0.5	0.4	2.6	
11	3671041673	36CCĐ5	Hu nh Quang Hi u	23/04/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	3.0	2.1	4.1	
12	3671041923	36CCĐ5	Nguy n V ã Hi u	02/06/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	1.5	1.1	3.1	N HP
13	3671041929	36CCĐ5	Tr n Trung Hi u	11/11/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	5.5	3.9	6.4	
14	3671041831	36CCĐ5	Hu nh Xu a n Hoàng	31/01/1994				9.0	7.0	7.0	7.7	2.3	9.0	6.3	8.6	
15	3671041656	36CCĐ5	L ² B o Huy	11/06/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	8.8	6.2	8.7	
16	3671041926	36CCĐ5	Nguy n Ph c Huy	16/05/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	1.0	0.7	2.7	
17	3671041625	36CCĐ5	H Th Ki t	22/12/1993				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	2.0	1.4	3.7	
18	3671041888	36CCĐ5	L ² V ã Khanh	12/07/1993				10.0	8.0	8.0	8.7	2.6	5.0	3.5	6.1	
19	3671041579	36CCĐ5	Ho ã nh ã nh Linh	30/08/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	9.0	6.3	8.8	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD4 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131017200203 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
20	3671042045	36CCĐ5	X ã h Ph i	Linh	10/11/1993				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	4.8	3.4	5.9	N HP
21	3671041560	36CCĐ5	L u V ã	Long	01/01/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	8.8	6.2	8.5	
22	3471010209	34CCD3	ñ o ã Ng c	Minh	06/09/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
23	3471010238	34CCD6	B ã i ã c	Nhu n	18/09/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
24	3671041535	36CCĐ5	Nguy n Kh c Ph ng	Quang	10/09/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	3.0	2.1	4.1	
25	3671041647	36CCĐ5	Nguy n Thanh	Quân	21/03/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	7.5	5.3	7.4	
26	3671041885	36CCĐ5	Tô Minh	Quý	07/12/1994				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	3.8	2.7	4.9	
27	3671041930	36CCĐ5	Nguy n V ã	Sang	06/06/1992				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	5.8	4.1	6.3	
28	3671041998	36CCĐ5	Nguy n V ã	Sinh	25/09/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	2.3	1.6	3.7	
29	3671041642	36CCĐ5	ñ ã m V ã	S n	01/02/1994				9.0	8.0	9.0	8.7	2.6	8.8	6.2	8.8	
30	3671041856	36CCĐ5	Hoàng Minh	Tài	20/08/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	5.5	3.9	6.1	
31	3671042031	36CCĐ5	L ² Nh t	Tân	06/10/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
32	3671041569	36CCĐ5	ñ ng H u	Ti n	07/11/1993				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
33	3671041830	36CCĐ5	D ng Ng c	Ti n	16/10/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	2.0	1.4	3.7	
34	3671041621	36CCĐ5	L ng Anh	Ti n	02/04/1994				8.0	8.0	7.0	7.7	2.3	7.0	4.9	7.2	
35	3671041652	36CCĐ5	Nguy n H u	Ti n	22/08/1994				7.0	6.0	7.0	6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	N HP
36	3671041653	36CCĐ5	Ph m Ng c	Tuân	10/07/1992				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	5.8	4.1	6.3	
37	3671041662	36CCĐ5	Tô Thanh	Tu n	20/07/1993				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	3.0	2.1	4.3	
38	3671041635	36CCĐ5	Nguy n Ho ã ng	Tú	12/02/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	4.5	3.2	5.6	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD4 N ấ n h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200203 - C h c k t c u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671041616	36CCĐ5	Nguy n C ấ ng	Th ấ nh	23/11/1993				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	2.5	1.8	3.8	
40	3671041901	36CCĐ5	ấ ng B ấ	Thi	06/09/1994				9.0	8.0	8.0	8.3	2.5	5.0	3.5	6.0	
41	3671041829	36CCĐ5	Tr n Ch ấ	Thi n	04/05/1994				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	4.0	2.8	5.0	
42	3671041622	37CCD3	L 2 Qu c	Th nh	26/12/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	5.3	3.7	5.7	
43	3671041639	36CCĐ5	L 2 Ng c	Th ấ ng	28/10/1994				10.0	9.0	8.0	9.0	2.7	3.3	2.3	5.0	
44	3671041837	36CCĐ5	V ng Hu nh	Tri u	13/12/1994				5.0	5.0	5.0	5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
45	3671041574	36CCĐ5	Nguy n H ấ ng Gia	Uy	22/11/1994				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	6.3	4.4	6.6	
46	3671041985	36CCĐ5	V ấ Th ấ nh	Uy ấ n	10/04/1994				7.0	7.0	6.0	6.7	2.0	2.5	1.8	3.8	N HP
47	3671041571	36CCĐ5	T ấ Th ấ i	Vĩ n	14/08/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
48	3671041959	36CCĐ5	Tr n Qu c	Vĩ t	30/03/1994				10.0	8.0	8.0	8.7	2.6	6.5	4.6	7.2	
49	3671041893	36CCĐ5	V ấ ½ V ấ n	Vĩ nh	08/03/1993				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	8.5	6.0	8.2	
50	3671041951	36CCĐ5	Nguy n S	V ấ O	17/03/1992				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
51	3671041845	36CCĐ5	Tr nh H u	Ý	06/01/1994				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	0.5	0.4	2.3	N HP

T ng s : 51 h c sinh sinh v ấ 2 n
Tr ng Khoa Gi ấ o V ấ 2 n B M ấ n
Tp.HCM, ngày / /
Gi ấ o V Khoa